TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 14 - 7 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: "*hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh V**, sinh năm 1958. Địa chỉ: khóm B, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2.2. Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 nguyên đơn ông Bùi Thanh V trình bày:* Vào ngày 25/11/2019 ông có cho bà Nguyễn Thị Kim T vay số tiền 40.000.000 đồng để trồng rẫy; lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 25/11/2019 đến ngày 25/02/2020). Hai bên có lập "Hợp đồng vay tiền" ngày 25/11/2019 ông ký tên bên cho vay, bà Nguyễn Thị Kim T ký tên bên vay; hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh V; địa chỉ: số H, đường N, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Cùng

ngày 25/11/2019 ông đã giao bà T nhận đủ 40.000.000 đồng. Sau đó, bà T có trả tiền lãi nhiều lần tổng cộng bằng 12.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ gì, không trả tiền vốn. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả số tiền vay vốn gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 1,6%/tháng, tạm tính từ ngày 25/11/2019 đến ngày 25/4/2023 là 42 tháng, cụ thể 1,6%/tháng x 42 tháng x 40.000.000 đồng bằng 26.880.000 đồng, ông V đồng ý trừ số tiền lãi bà T đã trả 12.000.000 đồng; đồng thời ông yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:* Bà xác định vào ngày 25/11/2019 bà có vay ông Bùi Thanh V số tiền 40.000.000 đồng để trồng rẫy (trồng khoai lang); lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 03 tháng (kể từ ngày 25/11/2019 đến ngày 25/02/2020). Hai bên có lập "Hợp đồng vay tiền" ngày 25/11/2019 ông V ký tên bên cho vay, bà Nguyễn Thị Kim T ký tên bên vay; hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh V; địa chỉ: số H, đường N, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Bà đã nhận đủ 40.000.000 đồng. Bà có giao ông V giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không nhớ số thửa diện tích, đất tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do chồng bà là ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất; không có lập thành văn bản. Sau khi vay bà có đóng lãi cho ông V 13 tháng, mỗi tháng bằng 4.000.000 đồng; tháng 01/2021 trả vốn 10.000.000 đồng; nhưng không có làm giấy tờ gì. Hiện nay bà còn nợ ông V tiền vay vốn là 30.000.000 đồng. Bà đồng ý trả ông V số tiền vay vốn còn nợ 30.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông V xác định ông H không vay tiền của ông, chỉ có bà T vay; người nhận số tiền 40.000.000 đồng là bà T, không có ông H. Ông yêu cầu ông H và bà T có trách nhiệm trả số tiền vay vốn 40.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 25/11/2019 đến ngày 14/7/2023, ông đồng ý trừ vào số tiền lãi bà T đã trả 12.000.000 đồng.

Bị đơn bà T xác định khi bà vay ông V số tiền vay 40.000.000 đồng để trồng rẫy thì ông H hoàn toàn không biết và không sử dụng vì tuy vợ chồng sống chung nhưng việc ai nấy làm. Bà đồng ý trả ông V số tiền vay vốn 30.000.000 đồng và lãi 15.000.000 đồng. Bà không yêu cầu gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 39, 68, 97, 98, 147, 203, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh V. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả ông V số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông V yêu cầu ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm cùng trả nợ vay với bà Nguyễn Thị Kim T. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp 2.750.000 đồng; Miễn án phí cho ông V. Đề nghị xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Thanh V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim T trả tiền vay, nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Thanh V khởi kiện ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim T. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông H và bà T là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông Nguyễn Thanh H tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ông Bùi Thanh V yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả ông số tiền vay còn nợ gốc là 40.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vào ngày 25/11/2019 bà có vay của ông V số tiền là 40.000.000 đồng để trồng rẫy (trồng khoai lang); việc vay mượn tiền giữa bà và ông V có lập "Hợp đồng vay tiền" ngày 25/11/2019 và được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh V; địa chỉ: số H, đường N, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; khi bà vay tiền và ký tên vào hợp đồng vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không có ai lừa dối hay ép buộc bà. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà T xác định tháng 01/2021 bà trả vốn 10.000.000 đồng, nhưng không có làm giấy tờ gì; và ông V không thừa nhận. Ngoài lời trình bày ra, bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Như vậy, không có căn cứ xác định bà T đã trả ông V số tiền vốn 10.000.000 đồng.

[4.2] Về tiền lãi: ông V yêu cầu tính lãi 1%/tháng tính từ ngày 25/11/2019 đến ngày 14/7/2023, ông đồng ý trừ vào số tiền lãi bà T đã trả 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T đồng ý trả ông V tiền lãi 15.000.000 đồng là có lợi cho nguyên đơn, nên được chấp nhận.

Bà T xác định bà vay 40.000.000 đồng của ông V để trồng rẫy (trồng khoai lang), ông H không biết việc bà vay tiền của ông V. Mặt khác, ông V xác định ông H không vay tiền của ông, ông không có giao tiền vay cho ông H nhận. Vì vậy không có căn cứ buộc ông H có trách nhiệm trả tiền vay cho ông H.

Do đó, từ những căn cứ trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bà T có trách nhiệm trả ông V số tiền vay nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng

[4.3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà T phải chịu 2.750.000 đồng, miễn án phí cho ông V.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận như nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh V.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả ông Bùi Thanh V số tiền vay vốn gốc là 40.000.000 đồng và lãi 15.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thanh V yêu cầu ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị Kim T trả nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Miễn án phí cho ông Bùi Thanh V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.